

Số: /QĐ-UBND

Chư Păh, ngày 28 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Hoà Phú, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai đến năm 2030.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định 2522/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hoà Phú, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai đến năm 2020;

Theo Công văn số 1984/SXD-QLQH ngày 29/9/2022 của Sở Xây dựng Gia Lai về việc tham gia ý kiến Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Ia Kreng và xã Hoà Phú thuộc huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 21/10/2022 của Ủy ban nhân dân xã Hoà Phú về việc thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Ia Hoà Phú, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai đến năm 2030 và đề xuất của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 84/BCTĐ-PKH&HT ngày 26/10/2022 về việc thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Hoà Phú, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đối với nội dung như sau :

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng xã Hoà Phú, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai đến năm 2030.

* **Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch:** Toàn bộ địa giới hành chính xã.

* **Ranh giới:**

- Phía Đông giáp: xã Đăk Tô Ve và xã Chư Đang Ya.
- Phía Tây giáp: xã Ia Phí, Ia Nhin và xã Ia Ka.
- Phía Nam giáp: thị trấn Phú Hòa.
- Phía Bắc giáp: xã Ia Khươl.

2. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ động lực phát triển kinh tế chủ đạo của xã:

* **Quan điểm:**

- Quy hoạch phải dựa trên phân tích kỹ các đặc điểm tự nhiên và kinh tế - xã hội của địa phương nhằm phát huy được các lợi thế và hạn chế các tác động tiêu cực.

- Quy hoạch phải theo hướng giải quyết tốt vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân về xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

- Quy hoạch phải đảm bảo sự phát triển bền vững và gắn với việc thực hiện các chính sách xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn đảm bảo điều kiện liên hệ thuận tiện trong sinh hoạt và sản xuất của người dân.

- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa việc xây dựng hiện tại với dự kiến phát triển tương lai.

- Dẫn lấp đầy những vị trí đất trong các khu dân cư để tạo điều kiện hình thành các khu dân cư tập trung.

- Đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.

- Đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất cho việc xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật.

- Đảm bảo yêu cầu về cấp thoát nước, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường.

- Đảm bảo các yêu cầu về an ninh, quốc phòng,...

* **Mục tiêu và nhiệm vụ quy hoạch:**

+ **Mục tiêu:**

Mục tiêu lập quy hoạch nhằm thúc đẩy quá trình đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới hiệu quả, có chất lượng, bền vững hơn về môi trường, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, đảm bảo an ninh lương thực trên cơ sở tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh, đổi mới mô hình phát triển theo mô hình mạng lưới, xanh, thông minh, bền vững; từng bước xây dựng và củng cố vững chắc nông thôn theo các tiêu chí nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; có cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp, đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, có vai trò, vị thế xứng đáng, có tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng.

+ **Nhiệm vụ quy hoạch:**

- Bố trí sử dụng đất với các chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp đảm bảo hài hoà giữa

các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, phục vụ trực tiếp cho xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất trên địa bàn.

- Về quy hoạch phát triển sản xuất nhằm:

+ Nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong sử dụng đất và các nguồn tài nguyên khác phục vụ sản xuất và đời sống người dân.

+ Xác định các sản phẩm nông, lâm, thủy sản chiến lược cho xã trên cơ sở phân tích các nguồn lực và điều kiện phát triển cụ thể của xã.

- Quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã theo hướng đồng bộ, phát triển có sự chọn lọc và kế thừa hệ thống cơ sở hạ tầng hiện tại.

- Xây dựng Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã, làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư và là cơ sở để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý, kiểm soát phát triển theo quy hoạch được duyệt và quy định của pháp luật.

- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

*** Động lực phát triển kinh tế chủ đạo của xã:**

- Là xã thuần nông, thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp.

- Là xã có quỹ đất lớn, có khả năng về sản xuất nông nghiệp và có điều kiện phát triển các loại cây công nghiệp kết hợp với một số cây công nghiệp dài ngày.

- Đầu tư công nghệ theo hướng sản xuất hiện đại, kết hợp với mô hình kinh tế trang trại, dịch vụ...

3. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số, lao động; quy mô đất đai; các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

3.1. Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng toàn xã cuối năm 2020 là 6.423 người.

- Quy mô dân số định hướng đến năm 2030: 7.988 người.

3.2. Dự báo lao động:

- Dự báo lao động đến năm 2030: 4.073 người.

3.3. Quy mô đất đai:

- Tổng diện tích tự nhiên của xã Hòa Phú: 5.089,99 ha.

- Quy mô đất đai trên phạm vi toàn xã đến năm 2030: 5.089,99 ha.

3.4. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

3.4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất:

*** Chỉ tiêu sử dụng đất điểm dân cư nông thôn:**

Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)
Đất xây dựng công trình nhà ở	≥ 25
Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	≥ 5

Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	≥ 5
Cây xanh công cộng	≥ 2
CHÚ THÍCH: Không bao gồm đất để bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp quốc gia, tỉnh, huyện.	

*** Quy định về quy mô tối thiểu của các công trình công cộng, dịch vụ:**

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	Bán kính phục vụ tối đa
1. Giáo dục			
a. Trường, điểm trường mầm non - Vùng đồng bằng: - Vùng miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa:	50 chỗ/1.000 dân	12 m ² /chỗ	1 km 2 km
b. Trường, điểm trường tiểu học - Vùng đồng bằng: - Vùng miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa:	65 chỗ/1.000 dân	10 m ² /chỗ	1 km 2 km
c. Trường trung học	55 chỗ/1.000 dân	10 m ² /chỗ	
2. Y tế			
Trạm y tế xã - Không có vườn thuốc - Có vườn thuốc	1 trạm/xã	500 m ² /trạm 1.000 m ² /trạm	
3. Văn hóa, thể thao công cộng			
a. Nhà văn hóa		1.000 m ² /công trình	
b. Phòng truyền thống		200 m ² /công trình	
c. Thư viện		200 m ² /công trình	
d. Hội trường		100 chỗ/công trình	
e. Cụm công trình, sân bãi thể thao		5.000 m ² /cụm	
4. Chợ, cửa hàng dịch vụ			
a. Chợ	1 chợ/xã	1.500 m ²	

b. Cửa hàng dịch vụ trung tâm	1 công trình/khu trung tâm	300 m ²	
5. Điểm phục vụ bưu chính viễn thông			
Điểm phục vụ bưu chính , viễn thông (bao gồm cả truy cập Internet)	1 điểm/xã	150 m ² /điểm	
<p>CHÚ THÍCH 1: Các hạng mục văn hóa , thể thao công cộng phải kết hợp trong cùng nhóm công trình để đảm bảo sử dụng khai thác hiệu quả;</p> <p>CHÚ THÍCH 2: Tùy theo đặc điểm địa phương có thể bố trí cho xã hoặc liên xã.</p>			

3.4.2. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

3.4.2.1. Cấp điện:

- Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt điểm dân cư nông thôn cần đảm bảo đạt tối thiểu là ≥ 150 W/người.
- Nhu cầu điện cho công trình công cộng phải đảm bảo lớn hơn 15% nhu cầu điện sinh hoạt.

3.4.2.2. Cấp nước:

- Nước cấp cho sinh hoạt: Trường hợp cấp nước đến hộ gia đình đảm bảo tối thiểu ≥ 60 lít/người/ngày đêm. Trường hợp cấp nước đến vị trí lấy nước công cộng đảm bảo tối thiểu ≥ 40 lít/người/ngày đêm
- Nước rửa đường 0,4 lít/m²/ngày đêm.

3.4.2.3. Thoát nước:

- Tối thiểu phải thu gom đạt $\geq 80\%$ lượng nước thải phát sinh để xử lý.

3.4.2.4. Rác thải sinh hoạt:

- Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 0,8 kg/người-ngày;

3.4.2.5. Hệ thống thông tin liên lạc:

- Tỷ lệ đường dây thuê bao cố định 20 – 25 đường/100 dân.
- Tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng cố định 15 – 20 thuê bao/100 dân.
- Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động 35 – 40 thuê bao/100 dân.
- Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại cố định 40 – 45%; tỷ lệ hộ gia đình có truy cập Internet 35 – 40%; tỷ lệ người sử dụng Internet 55 – 60%.

(Ghi chú: Các chỉ tiêu sẽ được rà soát và tính toán cụ thể trong quá trình triển khai nghiên cứu quy hoạch và đảm bảo phù hợp với QCVN 01-2021/BXD, QCVN 07:2016/BXD và các văn bản quy định mới ban hành)

4. Các nội dung nghiên cứu lập quy hoạch:

4.1. Hiện trạng hạ tầng xã hội, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, tính chất, chức năng; các yếu tố tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của xã:

a. Hiện trạng hạ tầng xã hội:

*** Hiện trạng thôn xóm và nhà ở:**

- Phân bố dân cư: Dân cư phân bố trên địa bàn xã thành 06 thôn, làng (Thôn 2, Thôn 3, Thôn 4, Làng Rơ Va, Làng Bồi và làng Hreng).

- Về hiện trạng nhà ở: Tập trung mật độ tương đối cao tại khu vực trung tâm xã, đặc biệt là dọc theo tuyến đường Quốc lộ 14 và các trục đường chính tuyến 2, 3 của khu trung tâm, nhà ở dân cư phần lớn đã được kiên cố hóa, chủ yếu là nhà xây từ 1 - 2 tầng, một số ít nhà có chiều cao 1 - 3 tầng. Ngoài ra dân cư còn tập trung tại trung tâm các làng nằm về phía Tây Nam của khu trung tâm xã và dọc theo một số tuyến đường liên thôn, liên làng, nhà ở chủ yếu là nhà cấp 4.

- Về hiện trạng không gian cảnh quan tại các khu dân cư cơ bản đáp ứng yêu cầu về các tiêu chí cho xã nông thôn mới về giao thông, đường làng, ngõ xóm...

*** Hiện trạng công trình công cộng:**

+ *Công trình hành chính:*

- Có đầy đủ trụ sở, cơ quan ban ngành cấp xã.

+ *Chợ:*

- Hiện nay xã đã có chợ để người dân tập trung buôn bán.

- Về thương mại dịch vụ: Tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm xã và dọc theo tuyến đường Quốc lộ 14. Các thôn, làng có một số hộ gia đình thu mua nông sản và kết hợp bán tạp hóa nhỏ lẻ phục vụ cho nhu cầu của người dân tại từng khu vực.

+ *Giáo dục:*

- Trường học các cấp như trường Mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đảm bảo phục vụ nhu cầu học tập cho các cháu trên địa xã, các trường trên địa bàn xã cơ bản đã đạt chuẩn quốc gia về giáo dục.

+ *Y tế:*

- Hiện đã có Trạm Y tế xã phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn xã.

+ *Văn hóa - thể thao:*

- Xã đã có trung tâm văn hóa – thể thao với đầy đủ cơ sở vật chất, ngoài ra còn có các sân bóng đá tham gia phục vụ các hoạt động văn hóa-thể thao trên địa bàn xã.

- Tỷ lệ thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng (6/6 thôn làng): đạt 100%.

*** Hiện trạng kiến trúc:**

- Các công trình kiến trúc chính phần lớn tập trung tại khu trung tâm xã bao gồm: Trụ sở làm việc của xã, Trạm Y tế, các công trình giáo dục Mẫu giáo, Tiểu học, THCS và công trình nhà ở của người dân kiên cố nằm dọc theo tuyến đường Quốc lộ 14 đây là điểm nhấn chính về kiến trúc cảnh quan và là bộ mặt cho khu trung tâm.

- Kiến trúc về nhà ở và các công trình công cộng cấp thôn, làng tập trung tại trung tâm các thôn làng phần lớn cũng đã được kiên cố hóa. Một phần như nhà ở còn lại của người Jarai trên địa bàn xã còn mang tính truyền thống.

*** Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:**

+ *Giao thông:*

- Đường Quốc lộ 14, đường Liên xã, đường Hồ Chí Minh, tuyến tránh đô thị Pleiku - Chư Păh, trục thôn làng, liên thôn làng, đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng cơ bản được đầu tư xây dựng đảm bảo nhu cầu vận chuyển hàng hóa cho người dân.

- Hạ tầng giao thông mặc dù được đầu tư nhiều nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Giao thông nội đồng còn nhiều tuyến chưa được đầu tư xây dựng gây khó khăn cho người dân trong việc đầu tư sản xuất, vận chuyển và tiêu thụ nông sản nhất là vào mùa mưa.

+ *Cấp điện:*

- Xã Hòa Phú được cấp điện từ nguồn điện lưới quốc gia thông qua đường dây 22KV.

- Các điểm dân cư đã có điện lưới quốc gia, có 100% hộ dân sử dụng điện thường xuyên và an toàn.

+ *Cấp nước:*

- Hiện trạng người dân chủ yếu sử dụng nước giếng đào hoặc giếng khoan.

+ *San nền và thoát nước mưa:*

- Nền đất: Địa hình tương đối bằng phẳng tại khu trung tâm, ngoài ra một số khu vực địa hình có sự chia cắt theo các hợp thủy về các nhánh suối, ao hồ...

- Thoát nước: Đã được đầu tư xây dựng tại một số tuyến đường chính và đang từng bước hoàn thiện tại khu vực trung tâm xã... Các khu vực thôn làng chủ yếu thoát nước theo địa hình tự nhiên về các khu vực hợp thủy và đổ ra suối.

+ *Thông tin liên lạc:*

- Hiện nay khu vực quy hoạch đã có mạng lưới thông tin liên lạc.

- Thông tin di động khu quy hoạch nằm trong khu vực phủ sóng của hầu hết của các nhà cung cấp dịch vụ.

b. Tính chất, chức năng:

- Là xã có tính chất quan trọng về kinh tế, chính trị của huyện Chư Păh.

- Là xã sản xuất nông nghiệp, trọng điểm là trồng cây công nghiệp ngắn ngày, cây công nghiệp lâu năm và cây nguyên liệu.

c. Các yếu tố tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của xã:

- Là khu vực sản xuất nông nghiệp có vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp bền vững.

4.2. Nội dung quy hoạch:

Việc quy hoạch chung xây dựng xã Hoà Phú trên cơ sở kế thừa quy hoạch đã được phê duyệt trong đó bổ sung một số khu chức năng như sau:

- Cập nhật, bổ sung đường giao thông tại các thôn làng, đường ra khu sản xuất, đường nội đồng...

- Xác định phân bố hệ thống dân cư thôn, xóm: Xác định quy mô dân số, hệ thống dân cư các thôn, khu dân cư mới; các chỉ tiêu về đất đai và hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường của từng khu vực.

- Xác định ranh giới, quỹ đất trung tâm xã, vị trí, quy mô diện tích, quy mô xây dựng; các chỉ tiêu cơ bản của công trình công cộng, dịch vụ xây dựng mới hoặc cải tạo như các công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ cấp xã phù hợp với khả năng, đặc điểm, yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của xã theo từng giai đoạn quy hoạch.

4.3. Tổ chức không gian về bố trí mạng lưới dân cư, mạng lưới các công trình công cộng, công trình phục vụ sản xuất:

- Phân bố dân cư: xác định các khu vực dân cư hiện trạng cải tạo, các khu vực dân cư phát triển mới (vị trí, quy mô) lưu ý đến vấn đề bố trí tập trung để đảm bảo thuận lợi cung cấp hạ tầng kỹ thuật và tạo dựng bộ mặt kiến trúc cảnh quan cho từng khu vực.

- Hệ thống các công trình công cộng: các công trình hiện trạng cải tạo, các công trình xây dựng mới (nêu rõ vị trí, quy mô, các hạng mục cải tạo và xây dựng mới).

- Các giải pháp cải tạo và xây mới đối với các loại nhà ở: giải pháp tổ chức lô đất các yêu cầu về kiến trúc công trình, cổng, tường rào...

- Công trình CN- TTCN và phục vụ sản xuất: vị trí, quy mô các khu chăn nuôi tập trung và TTCN, các khu vực sản xuất khác...

- Định hướng quy hoạch sử dụng đất.

- Định hướng phát triển không gian kiến trúc cảnh quan cho khu dân cư, nhà ở, công trình công cộng.

4.4. Tổ chức mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất:

- * Chuẩn bị kỹ thuật:

- San nền: san lấp cục bộ khu vực xây dựng công trình, các khu vực khác giữ nguyên địa hình hiện trạng.

- Thoát nước: chia thành những lưu vực thoát nước chính, chế độ thoát nước tự chảy dựa vào độ dốc địa hình tự nhiên, bố trí công thoát nước cho khu vực có đông hộ gia đình tập trung sinh sống.

- * Giao thông: các trục đường xã cần được xây dựng mở rộng hoàn chỉnh, cơ bản đạt đường giao thông nông thôn cấp B.

- Tận dụng tối đa các đường sản xuất đã có đáp ứng yêu cầu đi lại thuận tiện, nối liền các tuyến đường huyện, đường xã để người dân đi làm và thu hoạch sản phẩm được thuận tiện.

- Bố trí các đường vận chuyển sản phẩm không gây cản trở cho việc đi lại của người dân và làm hỏng kết cấu mặt đường.

* Cấp điện: sử dụng các nguồn điện hiện có và quy hoạch nguồn điện mới cho phù hợp.

* Cơ sở hạ tầng các công trình về Văn hoá, giáo dục:

- Nhà văn hoá thôn, làng; Sân thể thao thôn làng.

- Trường lớp học mẫu giáo, tiểu học tại thôn làng.

* Cấp nước: sử dụng các nguồn nước mưa; nước ngầm, nước mặt dùng trong sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp... Quy hoạch hệ thống cấp nước cho phù hợp với thực tế địa phương.

* Thoát nước bản, thu gom và xử lý CTR; nghĩa trang nông thôn.

- Sử dụng hệ thống thoát nước chung. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ tại chỗ được dẫn ra cống chung và thoát về khu vực xử lý tập trung đối với khu trung tâm xã. Ngoài ra các khu vực còn lại cần có cách xử lý nước thải hợp lý đảm bảo về môi trường.

- Thu gom và xử lý CTR sinh hoạt tại các thôn, bản đến điểm tập trung để xử lý.

- Sử dụng nghĩa địa hiện có đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, cần khoanh định các nghĩa địa hiện có đảm bảo vệ sinh môi trường.

4.5. Yêu cầu về đảm bảo vệ sinh môi trường trong các thôn, bản

- Các điểm dân cư ở nông thôn tập trung phải có hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, hợp vệ sinh.

- Nước thải từ các làng nghề sản xuất, các trại chăn nuôi, sản xuất chế biến nông sản bị nhiễm bản và gây độc hại phải được phân loại và thu gom ra hệ thống thoát nước riêng hợp vệ sinh và xử lý đạt yêu cầu về môi trường.

- Phải xây dựng nhà xí hợp vệ sinh.

- Chuồng trại chăn nuôi phải cách xa nhà ở, phân nước tiểu từ chuồng trại phải được thu gom và có giải pháp xử lý phù hợp.

- Chất thải từ các hộ gia đình phải được phân loại, thu gom và xử lý.

4.6. Đánh giá môi trường chiến lược:

* *Phân tích, dự báo tác động và diễn biến môi trường khi chưa thực hiện quy hoạch xây dựng:*

- Mô tả tổng quan hiện trạng môi trường và diễn biến môi trường xã hội có liên quan đến xây dựng và các thành phần môi trường tự nhiên. Đánh giá mức độ suy thoái về môi trường, nguyên nhân và diễn biến môi trường trong tương lai khi chưa thực hiện quy hoạch xây dựng.

- Dự báo tác động và diễn biến môi trường do hoạt động từ các khu dân cư, cơ sở sản xuất công nghiệp, xử lý chất thải trên cơ sở định hướng phát triển không gian.

** Phân tích, dự báo tác động và diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch xây dựng:*

- Đánh giá sự thống nhất giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch và các mục tiêu bảo vệ môi trường.

- Nhận diện diễn biến và các tác động môi trường chính có thể xảy ra khi thực hiện quy hoạch xây dựng.

- Phân tích, tính toán, dự báo các tác động và diễn biến môi trường trên cơ sở các dữ liệu của các phương án quy hoạch xây dựng.

- Phân tích, dự báo các tác động và diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch.

** Các giải pháp quy hoạch xây dựng nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và diễn biến môi trường đã được nhận diện:*

- Các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường; kế hoạch quản lý và giám sát môi trường.

- Tổng hợp, đề xuất, xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các khu vực cách ly bảo vệ môi trường (các không gian xanh, hành lang bảo vệ sông hồ, các khu vực hạn chế phát triển...).

5. Hồ sơ bản vẽ, số lượng hồ sơ, tổng dự toán chi phí:

5.1. Hồ sơ bản vẽ:

Thành phần hồ sơ bản vẽ theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Hồ sơ gồm:

- Sơ đồ vị trí, mối liên hệ vùng, tỷ lệ thích hợp.
- Bản đồ hiện trạng tổng hợp, đánh giá đất xây dựng; tỷ lệ: 1/10.000.
- Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn xã; tỷ lệ: 1/10.000.
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất; tỷ lệ: 1/10.000.
- Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; hạ tầng phục vụ sản xuất; tỷ lệ: 1/10.000.
- Báo cáo tổng hợp gồm Thuyết minh và các văn bản pháp lý đi kèm.

5.2. Số lượng hồ sơ:

Số lượng hồ sơ: + 07 bộ bản vẽ.

+ 07 bộ thuyết minh và bản vẽ A3.

5.3. Tổng dự toán chi phí lập quy hoạch: Tổng dự toán: 150.000.000 đồng
(Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

6. Tiến độ, tổ chức thực hiện:

6.1. Tiến độ thực hiện: Thời gian lập đề án quy hoạch không quá 06 tháng, tính từ ngày Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

6.2. Tổ chức thực hiện:

* **Cơ quan phê duyệt quy hoạch:** Ủy ban nhân dân huyện Chư Păh.

* **Cơ quan thẩm định quy hoạch:** Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Chư Păh.

* **Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú.

* **Đơn vị lập quy hoạch:** Chỉ định thầu theo quy định.

7. Nguồn vốn: Ngân sách huyện.

8. Tổng dự toán: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân xã Hoà Phú tổ chức triển khai lập Quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Chư Păh; Chủ tịch UBND xã Hoà Phú; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- CVP, các PVP HĐND-UBND huyện;
- Lưu VT, CVKTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nay Kiên